TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGDST
Ngày: 29-01-2026
"V/v ly hôn, nuôi con chung."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10
TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Bính
2. Bà Lê Thị Kiều Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Châu – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, tỉnh L: Bà Lê Thị Hải Yến – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 455/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự.

***/Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Thanh N, sinh năm 1979;
Địa chỉ: Khu phố 1, phường T,thành phố P, tỉnh B (cũ) nay phường B, tỉnh L.
***/Bị đơn:** Ông Phan Minh C, sinh năm 1974
Địa chỉ: Khu phố 1, phường T, thành phố P, tỉnh B (cũ) nay phường B, tỉnh L.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có mặt,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/09/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh N và ông Phan Minh C tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 100/2014 ngày 01/08/2014. Trong quá trình chung sống bà và ông C không hợp nhau thường xuyên cãi vã, do bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

- Về con chung: có 01 con chung Phan Minh T, sinh ngày 18/8/2015. Sau khi ly hôn bà N yêu cầu trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông C góp phí tổn nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Bà N rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Phan Minh C trình bày*:*

Tôi và bà N tự tìm hiểu nhau, kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh B vào năm 2014. Bà N yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý, tôi cũng mong muốn quay lại, nay bà N kiên quyết ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có một con chung tên Phan Minh T, sinh ngày 18/8/2015. Sau khi ly hôn theo nguyện vọng của con, tôi đồng ý giao con cho bà N nuôi dưỡng. Tôi đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về con chung giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung bà N đã rút yêu cầu, và nợ chung bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Minh C có nơi cư trú tại khu phố 1, phường B, tỉnh L. Căn cứ theo quy định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh N về việc *"Ly hôn,nuôi con chung và chia tài sản chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh L.

[2] - Nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy: quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thanh N và ông Phan Minh C là hợp pháp vì ông bà chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 100/2014 ngày 01/08/2014. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông C phát sinh mâu thuẫn theo bà cho rằng do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường hay xảy ra bất hòa nhau, không hòa hợp với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Nay bà N yêu cầu được ly hôn với ông C.

Tại phiên toà hôm nay ông C cho rằng bà N kiên quyết ly hôn, nên ông đồng ý ly hôn với bà N.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Thanh N và ông Phan Minh C đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 100/2014 ngày 01/08/2014. Qua tự khai và phần trình bày của bà N tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy đời sống chung của vợ chồng bà N và ông C không được hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Bà N và ông C hiện đã sống ly thân từ lâu nay, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nhận thấy việc bà Trần Thị Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phan Minh C là hoàn toàn Cnh đáng. Từ những nhận định trên yêu cầu xin ly hôn của bà N thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 nên yêu cầu xin ly hôn của bà N được chấp nhận.

[4] Về con chung: có 01 con chung Phan Minh T, sinh ngày 18/8/2015.

Sau khi ly hôn, giao con Phan Minh T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông C cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Bà N và ông C có quyền chăm nom săn sóc và giáo dục con chung.

[5] Về tài sản chung: Bà N rút yêu cầu cầu khởi kiện về tài sản chung, ông C không yêu cầu giải quyết tài sản chung. Đình chỉ 1 phần vụ án về chia tài chung.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị Thanh N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, tỉnh L phát biểu quan điểm vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn. Về con chung giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông C cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động. Về tài sản chung: Đình chỉ vì bà N đã có đơn xin rút, và nợ chung không yêu cầu nên không xét. Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hợp lý nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Áp dụng:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điểm b khoản 1 Điều 3, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh N.

- **Về quan hệ hôn nhân**: Bà Trần Thị Thanh N được ly hôn ông Phan Minh C

- Về con chung: Có 01 con chung Phan Minh T, sinh ngày 18/8/2015.

Sau khi ly hôn, giao con Phan Minh T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông C cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Bà N và ông C có quyền chăm nom săn sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Bà N rút yêu cầu cầu khởi kiện về tài sản chung, ông C không yêu cầu giải quyết tài sản chung. Đình chỉ 1 phần vụ án về chia tài chung

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thị Thanh N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0018738 ngày 04/10/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P thu. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà N số tiền 6.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí tranh chấp tài sản chung. tại biên lai số 0018738 ngày 04/10/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P thu.

Quyền kháng cáo bản án của bà Trần Thị Thanh N và ông Phan Minh C là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/01/2026).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 10-L;
- THA dân sự tỉnh L;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Dũng